



Flashcardo.com

Chúng tôi hy vọng những thẻ học in sẵn này sẽ hữu ích cho bạn. Để tìm thêm nhiều sản phẩm thẻ học khác, hãy truy cập trang web của chúng tôi www.flashcardo.com/vi. Trên Flashcardo.com chúng tôi cung cấp thẻ học trực tuyến, thẻ học lặp lại ngắt quãng, thẻ học bằng video và nhiều hơn nữa. Tất cả đều miễn phí và sẵn sàng cho người học trên toàn thế giới sử dụng.

Bản quyền, Ghi chú về Giấy phép

Tệp PDF này được bảo vệ theo luật bản quyền và tất cả các quyền đều được giữ lại. Bạn được phép chia sẻ tệp PDF này với bất kỳ ai. Tuy nhiên, bạn không được phép bán tệp PDF này hoặc nội dung của nó. Nếu bạn có bất kỳ câu hỏi nào, vui lòng truy cập www.flashcardo.com/vi để liên hệ với chúng tôi. Xin cảm ơn!

Tuyên bố miễn trừ trách nhiệm

TỆP PDF NÀY ĐƯỢC CUNG CẤP "NGUYÊN TRẠNG", KHÔNG CÓ BẤT KỲ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở CÁC BẢO ĐẢM VỀ KHẢ NĂNG TIÊU THỤ, PHÙ HỢP VỚI MỤC ĐÍCH CỤ THỂ VÀ KHÔNG VI PHẠM. TRONG MỌI TRƯỜNG HỢP, CÁC TÁC GIẢ HOẶC CHỦ SỞ HỮU BẢN QUYỀN SẼ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM ĐỐI VỚI BẤT KỲ KHIẾU NẠI, THIẾT HẠI HOẶC TRÁCH NHIỆM NÀO KHÁC, DÙ THEO HÀNH ĐỘNG HỢP ĐỒNG, SAI PHẠM DẪN SỰ HAY HÌNH THỨC KHÁC, PHÁT SINH TỪ, HOẶC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY HOẶC VIỆC SỬ DỤNG HAY GIAO DỊCH KHÁC LIÊN QUAN ĐẾN TỆP PDF NÀY.

Bản quyền © 2025 Flashcardo.com. Mọi quyền được bảo lưu

In hai mặt

Xin lưu ý rằng những thẻ học này được thiết kế để in hai mặt. Nếu máy in của bạn không thể in hai mặt, vui lòng tải xuống các tệp PDF thẻ học đơn để in.

tôi

bạn
đại từ

anh ấy

cô ấy

nó

chúng tôi / chúng ta

các bạn

họ

cái gì

ai

ở đâu

tại sao

làm sao

cái nào

lúc nào

sau đó

nếu

thật sự

nhưng

bởi vì

không

նա
na

դու
tu

ես
es

մենք
menk'

այն
ayn

նա
na

ինչ
inch'

նրանք
nrank'

դուք
tuk'

ինչու
inch'u

որտեղ
ordegh

ով
ov

երբ
erp

որը
orë

ինչպես
inch'bes

իսկապես
isgabes

եթե
et'e

ապա
aba

ոչ
och'

որովհետև
orovhedev

բայց
payts'

này

Tôi cần cái này

Cái này giá bao nhiêu?

đó
vật

tất cả

hoặc

và

biết

Tôi biết

Tôi không biết

nghĩ

đến

đặt

lấy

tìm

nghe

làm việc

nói chuyện

cho

thích

giúp đỡ

Ի՞նչ արժե սա:
I'nych' arzhe sa:

Սա ինձ պետք է:
Sa ints bedk' è:

այս
ays

կամ
gam

բոլոր
polor

այդ
ayt

Գիտեմ
Kidem

իմանալ
imanal

և
ev

զալ
kal

մտածել
mdadzel

Չգիտեմ
Ch'kidem

զոնել
kdnel

վերցնել
verts'nel

դնել
tnel

խոսել
khosel

աշխատել
ashkhadel

լսել
lsel

օգնել
ōknel

հավանել
havanel

տալ
dal

yêu

gọi

chờ đợi

Tôi thích bạn

Tôi không thích cái này

Bạn có yêu tôi không?

Tôi yêu bạn

0

1

2

3

4

5

6

7

8

9

10

11

12

13

սպասել
sbaseł

զանգել
zankel

սիրել
sireł

Դու սիրո՞ւմ ես ինձ:
Tu siro^owm es ints:

Սա ինձ դուր չի գալիս:
Sa ints tur ch'i kalis:

Ես քեզ հավանում եմ:
Es k'ez havanum em:

մեկ
meg

զրո
zro

Ես քեզ սիրում եմ:
Es k'ez sirum em:

չորս
ch'ors

երեք
erek'

երկու
ergu

յոթ
yot'

վեց
vets'

հինգ
hink

տաս
das

ինը
ině

ուր
ut'

տասներեք
dasnerek'

տասներկու
dasnergu

տասնմեկ
dasnmeg

14

15

16

17

18

19

20

mới

cũ

ít

nhiều

bao nhiêu?
đại cương

bao nhiêu?
số

sai

chính xác

xấu

tốt

hạnh phúc

ngắn

dài

nhỏ

տասնվեց
dasnvets'

տասնհինգ
dasnhink

տասնչորս
dasnch'ors

տասնինը
dasninē

տասնութ
dasnut'

տասնյոթ
dasnyot'

հին
hin

նոր
nor

քսան
k'san

որքա՞ն
ork'a'n

շատ
shad

քիչ
k'ich'

ճիշտ
jishd

սխալ
skhal

քանի՞
k'ani'

ուրախ
urakh

լավ
lav

վատ
vad

փոքր
p'ok'r

երկար
ergar

կարճ
garj

lớn
to

đó
địa điểm

đây

phải

trái

xinh đẹp

trẻ

già

xin chào

hẹn gặp lại

được

bảo trọng nhé

đừng lo

tất nhiên

chúc ngày tốt lành

chào

bái bai

tạm biệt

xin làm phiền

xin lỗi

cảm ơn bạn

այստեղ
aysdegh

այնտեղ
ayndegh

մեծ
medz

գեղեցիկ
keghets'ig

ծախ
tsakh

աչ
ach

ողջույն
oghchuyn

ծեր
dzer

երիտասարդ
eridasart

զգույշ եղիր
zkuysh eghir

լավ
lav

կտեսնվենք
gdesnvenk'

լավ օր
lav òr

իհարկե
iharge

մի անհանգստացիր
mi anhanksats'ir

ցտեսություն
ts'desut'yun

հաջողություն
hachoghut'yun

բարև
parev

շնորհակալ եմ
shnorhagal em

ներողություն
neroghut'yun

ներեցեք
nerets'ek'

làm ơn

Tôi muốn cái này

bây giờ

buổi chiều

buổi sáng
9:00-11:00

ban đêm

buổi sáng
6:00-9:00

buổi tối

buổi trưa

nửa đêm

giờ

phút

giây

ngày

tuần

tháng

năm

thời gian

ngày tháng

ngày hôm kia

hôm qua

հիմա
hima

Ես ուզում եմ սա
Es uzum em sa

խնդրում եմ
khntrum em

գիշեր
kisher

առավոտ
aravod

կեսօրից հետո
gesōrits' hedo

կեսօր
gesōr

երեկո
erego

վաղ առավոտ
vagh aravod

րոպե
robe

ժամ
zham

կեսգիշեր
geskisher

շաբաթ
shapat'

օր
ōr

վայրկյան
vayrgyan

ժամանակ
zhamanag

տարի
dari

ամիս
amis

երեկ
ereg

երեկ չէ առաջի օրը
ereg ch'ē arachi ōrē

ամսաթիվ
amsat'iv

hôm nay

ngày mai

ngày kia

thứ hai
ngày

thứ ba
ngày

thứ tư
ngày

thứ năm

thứ sáu

thứ bảy

chủ nhật

Ngày mai là thứ bảy

cuộc đời

đàn bà

đàn ông

tình yêu

bạn trai

bạn gái

bạn
danh từ

hôn
danh từ

tình dục

trẻ em

վաղը չէ մյուս օրը
vaghě ch'ě myus òrě

վաղը
vaghě

այսօր
aysōr

չորեքշաբթի
ch'orek'shapt'i

երեքշաբթի
erek'shapt'i

երկուշաբթի
ergushapt'i

շաբաթ
shapat'

ուրբաթ
urpat'

հինգշաբթի
hinkshapt'i

կյանք
gyank'

Վաղը շաբաթ է:
Vaghě shapat' ē:

կիրակի
giragi

սեր
ser

մարդ
mart

կին
gin

ընկեր
ēnger

զուգընկերուհի
zukēngeruhi

զուգընկեր
zukēnger

երեխա
erekha

սեքս
sek's

համբույր
hampuyr

em bé

con gái
đại cường

con trai
đại cường

mẹ

ba

má
mẹ

cha

cha mẹ

con trai
gia đình

con gái
gia đình

em gái

em trai

chị gái

anh trai

đúng

ngồi

nằm xuống

đóng

mở
cửa

thua

thắng

տղա
dgha

աղչիկ
aghchig

երեխա
erekha

մայրիկ
mayrig

պապ
bab

մամ
mam

որդի
orti

ծնողներ
dznoghner

հայրիկ
hayrig

փոքր եղբայր
p'ok'r eghpayr

փոքր քույր
p'ok'r k'uyr

դուստր
tusdr

կանգնել
ganknel

մեծ եղբայր
medz eghpayr

մեծ քույր
medz k'uyr

փակել
p'agel

պառկել
bargel

նստել
nsdel

հաղթել
haght'el

պարտվել
bardvel

բացել
pats'el

chết

sống
động từ

bật

tắt

giết

làm bị thương

chạm

xem

uống

ăn

đi bộ

gặp

đặt cược

hôn
động từ

đi theo

cười

trả lời

hỏi

câu hỏi

công ty

kinh doanh

միացնել
miats'nel

ապրել
abrel

մահանալ
mahanal

վնասել
vnasel

սպանել
sbanel

անջատել
anchadel

խմել
khmel

դիտել
tidel

դիպչել
tibch'el

հանդիպել
hantibel

քայլել
k'aylel

ուտել
udel

հետևել
hedevel

համբուրել
hampurel

խաղադրույք կատարել
khaghatruyk' gadarel

հարցնել
harts'nel

պատասխանել
badaskhanel

ամուսնանալ
amusnanal

գործարարություն
kordzararut'yun

ընկերություն
engerut'yun

հարց
harts'

việc làm

tiền

điện thoại

văn phòng

bác sĩ

bệnh viện

y tá

cảnh sát
người

tổng thống

màu trắng

màu đen

màu đỏ

màu xanh da trời

màu xanh lá cây

màu vàng

chậm

nhanh

vui vẻ

không công bằng

công bằng

khó

հեռախոս
heʳakhos

փող
p'ogh

աշխատանք
ashkhadank'

հիվանդանոց
hivantanots'

բժիշկ
pzhishg

օֆիս
ōfis

նախագահ
nakhakah

ոստիկան
osdigan

բռնցքույր
puzhk'uyr

կարմիր
garmir

սև
sev

սպիտակ
sbidag

դեղին
teghin

կանաչ
ganach'

կապույտ
gabuyd

զվարճալի
zvarjali

արագ
arak

դանդաղ
tantagh

դժվար
tzhvar

արդար
artar

անարդար
anartar

dễ

Cái này khó

giàu

nghèo

khỏe

yếu

an toàn

mệt mỏi

tự hào

no bụng

bệnh

khỏe mạnh

tức giận

thấp
đại cương

cao
đại cương

thẳng

mỗi / mọi

luôn luôn

thực ra

lần nữa

đã

հարուստ
harusd

Սա դժվար է:
Sa tzhvar ê:

հեշտ
heshd

թույլ
t'uył

ուժեղ
uzhegh

աղքատ
aghk'ad

հպարտ
hbard

հոգևած
hoknadz

ապահով
abahov

առողջ
ařoghch

հիվանդ
hivant

կուշտ
gushd

բարձր
partsr

ցածր
ts'adzr

զայրացած
zayrats'adz

միշտ
mishd

ամեն
amen

ուղիղ
ughigh

արդեն
arten

նորից
norits'

իրականում
iraganum

ít hơn

phần lớn

nhiều hơn

Tôi muốn nhiều hơn

không có

rất

động vật

con lợn

con bò

con ngựa

con chó

con cừu

con khỉ

con mèo

con gấu

con gà

con vịt

con bướm

con ong

con cá

con nhện

ավելի շատ
aveli shad

ամենաշատ
amenashad

պակաս
bagas

շատ
shad

ոչինչ
och'inch'

Ես ավելին եմ ուզում:
Es avelin em uzum:

կով
gov

խոզ
khoz

կենդանի
gentani

ոչխար
och'khar

շուն
shun

ծի
tsi

արջ
arch

կատու
gadu

կապիկ
gabig

թիթեռ
t'it'er

բադ
pat

հավ
hav

սարդ
sart

ծուկ
tsug

մեղու
meghu

con rắn

ở ngoài

ở trong

xa

gần

bên dưới

bên trên

bên cạnh

phía trước

phía sau

ngọt

chua

lạ

mềm

cứng

đáng yêu

ngu ngốc

điên khùng

bận rộn

cao
người

thấp
người

ներսում
nersum

դրսում
trsum

օծ
ōts

ստորև
sdorev

մոտ
mod

հեռու
heṛu

առջև
aṛchev

կողքին
goghk'in

վերևում
verevum

թթու
t't'u

քաղցր
k'aghts'r

հետև
hedev

կարծր
gardzr

փափուկ
p'ap'ug

տարօրինակ
darōrinag

խենթ
khent'

հիմար
himar

պուպուշ
bubush

կարճահասակ
garjahasag

բարձրահասակ
partsrahasag

զբաղված
zpaghvadz

lo lắng

ngạc nhiên

ngẫu

cư xử tốt

ác độc

khéo léo

lạnh

nóng

đầu

mũi

tóc

miệng

tai

mắt

bàn tay

bàn chân

tim

não

kéo

đẩy

ấn

թույն
t'uyñ

զարմացած
zarmats'adz

անհանգիստ
anhankisd

խելացի
khelats'i

չար
ch'ar

բարեկիրթ
paregirt'

գլուխ
klukh

շոգ
shok

ցուրտ
ts'urd

բերան
peran

մազ
maz

քիթ
k'it'

ծեղք
tserk'

աչք
ach'k'

ականջ
aganch

ուղեղ
ughegh

սիրտ
sird

ոտք
odk'

սեղմել
seghmel

հրել
hrel

քաշել
k'ashel

đánh

bắt

chiến đấu

ném

chạy
động từ

đọc

viết

sửa chữa

đếm

cắt

bán

mua

trả

học

mơ

ngủ

chơi

ăn mừng

nghỉ ngơi

thưởng thức

dọn dẹp

կռվել
grvel

բռնել
prnel

հարվածել
harvadzel

կարդալ
gartal

վազել
vazel

նետել
nedel

հաշվել
hashvel

ուղղել
ughghel

գրել
krel

գնել
knel

վաճառել
vajařel

կտրել
gdrel

երազել
erazel

սովորել
sovorel

վճարել
vjarel

տոնել
donel

խաղալ
khaghal

քնել
k'nel

մաքրել
mak'rel

վայելել
vayeel

հանգստանալ
hanksdanal

trường học

nhà ở

cửa

chồng

vợ

đám cưới

người

xe hơi

nhà

thành phố

số

21

22

26

30

31

33

37

40

41

44

դուռ
tur

տուն
dun

դպրոց
tbrots'

հարսանիք
harsanik'

կին
gin

ամուսին
amusin

տուն
dun

մեքենա
mek'ena

մարդ
mart

քանակ
k'sanmeg

թիվ
t'iv

քաղաք
k'aghak'

երեսուն
eresun

քանակեց
k'sanvets'

քաներկու
k'sanergu

երեսուկոթ
eresunyot'

երեսուներեք
eresunerek'

երեսունմեկ
eresunmeg

քառասունչորս
k'arasunch'ors

քառասունմեկ
k'arasunmeg

քառասուն
k'arasun

48

50

51

55

59

60

61

62

66

70

71

73

77

80

81

84

88

90

91

95

99

հիսունմեկ
hisunmeg

հիսուն
hisun

քառասունութ
k'arasunut'

վաթսուն
vat'sun

հիսունինը
hisuninē

հիսունհինգ
hisunhink

վաթսունվեց
vat'sunvets'

վաթսուներկու
vat'sunergu

վաթսունմեկ
vat'sunmeg

յոթանասուներեք
yot'anasunerek'

յոթանասունմեկ
yot'anasunmeg

յոթանասուն
yot'anasun

ութսունմեկ
ut'sunmeg

ութսուն
ut'sun

յոթանասունյոթ
yot'anasunyot'

իննսուն
innsun

ութսունութ
ut'sunut'

ութսունչորս
ut'sunch'ors

իննսունինը
innsuninē

իննսունհինգ
innsunhink

իննսունմեկ
innsunmeg

100

1000

10.000

100.000

1.000.000

con chó của tôi

con mèo của bạn

váy của cô ấy

xe của anh ấy

quả bóng của nó

nhà của chúng tôi

đội của bạn

công ty của họ

mọi người

cùng nhau

khác

không thành vấn đề

chúc mừng

thư giãn đi

tôi đồng ý

chào mừng

տաս հազար
das hazar

հազար
hazar

հարյուր
haryur

իմ շունը
im shuně

մեկ միլիոն
meg milion

հարյուր հազար
haryur hazar

նրա մեքենան
nra mek'enan

նրա զգեստը
nra zkesdë

քո կատուն
k'o gadun

ծեր թիմը
tser t'imě

մեր տունը
mer duně

նրա գնդակը
nra kntagë

միասին
miasin

բոլորը
polorë

նրանց ընկերությունը
nrants' ëngerut'yuně

կենաց
genats'

կապ չունի
gab ch'uni

այլ
ayl

բարի գալուստ
pari kalusd

համաձայն էմ
hamatsayn em

հանգստացիր
hanksdats'ir

không phải lo

rễ phải

rễ trái

đi thẳng

Hãy đi với tôi

trúng

phô mai

sữa

cá

thịt

rau

trái cây

xương
món ăn

dầu

bánh mì

đường
món ăn

sô cô la

kẹo

bánh bông lan

đồ uống

nước

թեքվիր ձախ
t'ek'vir tsakh

թեքվիր աջ
t'ek'vir ach

խնդիր չկա
Khntir ch'ga

ծու
tsu

Արի ինձ հետ
Ari ints hed

ուղիղ գնա
ughigh kna

ծուկ
tsug

կաթ
gat'

պանիր
banir

միրգ
mirk

բանջարեղեն
panchareghen

միս
mis

հաց
hats'

ծեթ
tset'

ոսկոր
osgor

կոնֆետ
gonfed

շոկոլադ
shogolat

շաքարավազ
shak'aravaz

ջուր
chur

ըմպելիք
ëmbelik'

տորթ
dort'

nước soda

cà phê

trà

bia

rượu nho

sa lát

súp

món tráng miệng

bữa ăn sáng

bữa trưa

bữa tối

pizza

xe buýt

xe lửa

ga xe lửa

trạm dừng xe buýt

máy bay

tàu

xe tải

xe đạp

xe mô tô

թել
t'ey

սուրճ
surj

գազավորված ըմպելիք
kazavorvadz ěmbelik'

աղցան
aghts'an

գինի
kini

գարեջուր
karechur

նախաճաշ
nakhajash

աղանդեր
aghanter

ապուր
abur

պիցցա
bits'ts'a

ճաշ
jash

լանչ
lanch'

կայարան
gayaran

գնացք
knats'k'

ավտոբուս
avdopus

նավ
nav

ինքնաթիռ
ink'nat'ir

կանգառ
gankař

մոտոցիկլետ
modots'igled

հեծանիվ
hedzaniv

բեռնատար
pernadar

xe taxi

đèn giao thông

bãi đậu xe

đường
xe hơi

quần áo

giày dép

áo choàng

áo len

áo sơ mi

áo khoác

áo phộc

quần dài

đầm

áo phông

bít tất

áo ngực

quần lót

kính

túi xách

ví tiền

ví

ավտոկայան
avdogayan

լուսացույց
lusats'uyts'

տաքսի
dak'si

կոշիկ
goshig

հագուստ
hakusd

ճանապարհ
janabarh

վերնաշապիկ
vernashabig

սվիտեր
svider

վերարկու
verargu

տաքատ
dapad

կոստյում
gosdyum

բաճկոն
pajgon

գուլպաներ
kulbaner

շապիկ
shabig

զգեստ
zkesd

ակնոցներ
agnots'ner

անդրավարտիք
antravardik'

կրծկալ
grdzgal

դրամապանակ
tramabanag

քսակ
k'sag

ծեռքի պայուսակ
tserk'i bayusag

nhấn

mũ

đồng hồ đeo tay

túi

Bạn tên gì?

Tên của tôi là David

Tôi 22 tuổi

Bạn có khoẻ không?

Bạn có ổn không?

Nhà vệ sinh ở đâu vậy?

Tôi nhớ bạn

mùa xuân

mùa hè

mùa thu

mùa đông

tháng một

tháng hai

tháng ba

tháng tư

tháng năm

tháng sáu

Ժամացույց
zhamats'uyts'

գլխարկ
klkharg

մատանի
madani

Իմ անունը Դավիթ է:
Im anunē Tavit' ē:

Ի՞նչ է քո անունը:
I'nch' ē k'o anunē:

գրպան
krban

Լա՞վ ես:
La'v es:

Ինչպե՞ս ես:
Inch'be's es:

Ես քսաներկու
տարեկան եմ:
Es k'sanergu daregan em:

գարուն
karun

Ես քեզ կարոտում եմ:
Es k'ez garodum em:

Որտե՞ղ է զուգարանը:
Orde'gh ē zukaranē:

ծմեռ
tsmer

աշուն
ashun

ամառ
amar

մարտ
mard

փետրվար
p'edrvar

հունվար
hunvar

հունիս
hunis

մայիս
mayis

ապրիլ
abril

tháng bảy

tháng tám

tháng chín

tháng mười

tháng mười một

tháng mười hai

mua sắm

hóa đơn

chợ

siêu thị

tòa nhà

căn hộ

trường đại học

nông trại

nhà thờ

nhà hàng

quán bar

phòng thể dục

công viên

nhà vệ sinh
đại cương

bản đồ

սեպտեմբեր
sebdemper

օգոստոս
ōkosdos

հոկիս
hulis

դեկտեմբեր
tegdemper

նոյեմբեր
noyemper

հոկտեմբեր
hogdemper

շուկա
shuga

հաշիվ
hashiv

գնում
knum

քնակարան
pnagaran

շինություն
shinut'yun

սուպերմարկետ
subermarged

եկեղեցի
egeghets'i

ագարակ
akarag

համալսարան
hamalsaran

մարզասրահ
marzasrah

բար
par

ռեստորան
resdoran

քարտեզ
k'ardez

զուգարան
zukaran

այգի
ayki

xe cứu thương

cảnh sát
đại cương

súng

lính cứu hỏa
đại cương

quốc gia

ngoại ô

ngôi làng

sức khỏe

dược phẩm

tai nạn

bệnh nhân

phẫu thuật

viên thuốc

sốt

cảm lạnh

vết thương

cuộc hẹn

ho

cổ

mông

vai

ատրճանակ
adrjanag

ոստիկանություն
osdiganut'yun

շտապօգնություն
shdabōknut'yun

արվարձան
arvartsan

երկիր
ergir

հրշեջներ
hrshechner

դեղ
tegh

առողջություն
aroghchut'yun

գյուղ
kyugh

վիրահատություն
virahadut'yun

հիվանդ
hivant

դժբախտ պատահար
tzhpakhd badahar

մրսածություն
mrsadzut'yun

ջերմություն
chermut'yun

հաք
hap

հազ
haz

ժամադրություն
zhamatrut'yun

վերք
verk'

ուս
us

հետույք
heduyk'

պարանոց
baranots'

đầu gối

chân

tay

bụng

ngực

lưng

răng

lưỡi

môi

ngón tay

ngón chân

dạ dày

phổi

gan

dây thần kinh

thận

ruột

màu sắc

màu cam

màu xám

màu nâu

բազուկ
pazug

ոտք
odk'

ծունկ
dzung

մեջք
mechk'

կուրծք
gurdzk'

որովայն
orovayn

շրթունք
shrt'unk'

լեզու
lezu

ատամ
adam

ստամոքս
sdamok's

ոտնամատ
odnamad

մատ
mad

նյարդ
nyart

լյարդ
lyart

թոք
t'ok'

գույն
kuyun

աղիք
aghik'

երիկամ
erigam

շագանակագույն
shakanagakuyun

մոխրագույն
mokhrakuyun

նարնջագույն
narnchakuyun

màu hồng

nhàm chán

nặng

nhẹ

cô đơn

đói bụng

khát nước

buồn

độc

bằng phẳng

tròn

vuông

hẹp

rộng

sâu

nông

lớn
rất

bắc

đông

nam

tây

ծանր
dzanr

ծանծրալի
tsantsrali

վարդագույն
vartakuyñ

սոված
sovadz

միայնակ
miaynag

թեթև
t'et'ev

զառիթափ
zarit'ap'

տխուր
dkhur

ծարավ
dzarav

քառակուսի
k'aragusi

կլոր
glor

հարթ
hart'

խոր
khor

լայն
layñ

նեղ
negh

հյուսիս
hyusis

հսկայական
hsgayagan

ծանծաղուտ
dzandzaghud

արևմուտք
arevmudk'

հարավ
harav

արևելք
arevelk'

bẩn

sạch sẽ

đầy

trống rỗng

đắt

rẻ

tối

sáng

quyến rũ

lười biếng

dũng cảm

hào phóng

đẹp trai

xấu xí

ngớ ngẩn

thân thiện

tội lỗi

mù

say

ướt

khô

լիքը
lik'ê

մաքուր
mak'ur

կեղտոտ
geghdod

էժան
êzhan

թանկ
t'ang

դատարկ
tadarg

սեքսուալ
sek'sual

լուսավոր
lusavor

մուկ
mut'

առատաձեռն
aradatsern

քաջ
k'ach

ծույլ
dzuyil

հիմար
himar

տգեղ
dkegh

վայելչակազմ
vayelch'agazm

կույր
guyr

մեղավոր
meghavor

ընկերական
ëngeragan

չոր
ch'or

թաց
t'ats'

խմած
khmadz

ấm áp

ồn ào

yên tĩnh

im lặng

nhà bếp

phòng tắm

phòng khách

phòng ngủ

vườn

gara

tường

tầng hầm

nhà vệ sinh
nhà ở

cầu thang

mái nhà

cửa sổ
tòa nhà

dao

tách

ly

đĩa

cốc

հանգիստ
hankisd

բարձրաձայն
partsratsayn

տաք
dak[՝]

սանհանգույց
sanhankuyts[՝]

խոհանոց
kohanots[՝]

լուռ
lur[՝]

այգի
ayki

ննչասենյակ
nnchasenyag

հյուրասենյակ
hyurasenyag

նկուղ
ngugh

պատ
bad

ավտոտնակ
avdodnag

տանիք
danik[՝]

աստիճաններ
asdianner

զուգարան
zukanan

սուրճի բաժակ
surji pazhag

դանակ
tanag

պատուհան
baduhan

բաժակ
pazhag

ափսե
ap[՝]se

բաժակ
pazhag

thùng rác

tô

bộ tivi

bàn
văn phòng

giường

gương

vòi hoa sen

ghế sofa

ảnh

đồng hồ

bàn
nhà

ghế
nhà

hồ bơi
vườn

chuông

hàng xóm

thất bại

chọn

bắn

bình chọn

rơi xuống

bảo vệ

հեռուստացույց
herusdats'uyts'

թաս
t'as

աղբաման
aghpaman

հայելի
hayeli

մահճակալ
mahjagal

գրասեղան
kraseghan

նկար
ngar

բազմոց
pazmots'

ցնցուղ
ts'nts'ugh

աթոռ
at'or

սեղան
seghan

ժամացույց
zhamats'uyts'

հարևան
harevan

դռան զանգ
tʻran zank

լոգավազան
loghavazan

կրակել
gragel

ընտրել
ëndrel

ձախողել
tsakhoghel

պաշտպանել
bashdbanel

ընկնել
ëngnel

քվեարկել
k'veargel

tấn công

trộm

đốt

cứu

hút thuốc

bay

mang theo

khắc nhủ

đá
động từ

cẩn

thở

ngủi

khóc

hát

cười mỉm

cười

lớn lên

co lại

tranh luận

đe dọa

chia sẻ

այրել
ayrel

գողանալ
koghanał

հարձակվել
hartsagvel

թռչել
t'rch'el

ծխել
dzkhel

փրկել
p'rgel

ոտքով հարվածել
odk'ov harvadel

թքել
t'k'el

տանել
danel

հոտոտել
hododel

շնչել
shnch'el

կծել
gdzel

ժպտալ
zhbdal

երգել
erkel

լացել
lats'el

փոքրացնել
p'ok'rats'nel

աճել
ajel

ծիծաղել
dzidzaghel

կիսել
gisel

սպառնալ
sbaɾnal

վիճել
vijel

cho ăn

trốn

cảnh báo

bơi

nhảy

lăn

nâng

đào

sao chép

giao hàng

tìm kiếm

luyện tập

đi du lịch

vẽ

tắm vòi sen

mở
khóa

khóa

rửa

cầu nguyện

nấu ăn

sách

զգուշացնել
zkushats'nel

թաքնվել
t'ak'nvel

կերակրել
geragrel

գլորել
klorel

ցատկել
ts'adgel

լողալ
loghal

պատճենել
badjenel

փորել
p'orel

բարձրացնել
partsrats'nel

պարապել
barabel

փնտրել
p'ndrel

առաքել
aʔak'el

ցնցուղ ընդունել
ts'nts'ugh ěntunel

նկարել
ngarel

ճամփորդել
jamp'ortel

լվանալ
lvanal

կողպել
goghbel

բացել
pats'el

գիրք
kirk'

պատրաստել
badrasdel

աղոթել
aghot'el

thư viện

bài tập về nhà

bài thi

bài học

khoa học

lịch sử

nghệ thuật

tiếng Anh

tiếng Pháp

cây bút

bút chì

3%

thứ nhất

thứ hai
2

thứ ba
3

thứ tư
4

kết quả

hình vuông

hình tròn

diện tích

nguyên cứu

քննություն
k'nnut'yun

տնային աշխատանք
dnayin ashkhadank'

գրադարան
krataran

պատմություն
badmut'yun

գիտություն
kidut'yun

դաս
tas

ֆրանսերեն
franseren

անգլերեն
ankleren

արվեստ
arvesd

երեք տոկոս
erek' dogos

մատիտ
madid

գրիչ
krich'

երրորդ
errort

երկրորդ
ergrotr

առաջին
arachin

քառակուսի
k'aragusi

արդյունք
artyunk'

չորրորդ
ch'orrort

հետազոտություն
hedazodut'yun

տարածք
daradz'

շրջան
shrchan

bằng cấp

cử nhân

thạc sĩ

$x < y$

$x > y$

áp lực

bảo hiểm

nhân viên
công ty

bộ phận

lương

địa chỉ

lá thư

thuyền trưởng

thám tử

phi công

giáo sư

giáo viên

luật sư

thư ký

trợ lý

thẩm phán

մագիստրոս
makisdros

բակալավր
pagalavr

դիպլոմ
tiblom

սթրես
st'res

x-ը մեծ է y-ից
x-ě medz ě y-its'

x-ը փոքր է y-ից
x-ě p'ok'r ě y-its'

բաժին
pazhin

անձնակազմ
antsnagazm

ապահովագրություն
abahovakrut'yun

նամակ
namag

հասցե
hasts'e

աշխատավարձ
ashkhadavarts

օդաչու
ōtach'u

խուզարկու
khuzargu

կապիտան
gabidan

իրավաբան
iravapan

ուսուցիչ
usuts'ich'

պրոֆեսոր
brofesor

դատավոր
tadavor

օգնական
ōknagan

քարտուղարուհի
k'ardugharuhi

giám đốc

quản lý

đầu bếp

tài xế taxi

tài xế xe buýt

tội phạm

người mẫu

nghệ sĩ

số điện thoại

tín hiệu

ứng dụng

trò chuyện

tập tin

url

địa chỉ email

trang mạng

thư điện tử

điện thoại di động

pháp luật

nhà tù

chứng cứ

խոհարար
khoharar

մենեջեր
menecher

տնօրեն
dnören

հանցագործ
hants'akordz

ավտոբուսի վարորդ
avdopusi varort

տաքսու վարորդ
dak'su varort

հեռախոսահամար
heṙakhosahamar

նկարիչ
ngarich'

մոդել
motel

չատ
ch'ad

հավելված
havelvadz

ազդանշան
aztanshan

Էլ. փոստի հասցե
ēl. p'osdi hasts'e

url
url

ֆայլ
fayl

բջջային հեռախոս
pchchayin heṙakhos

Էլ. փոստ
ēl. p'osd

վեբ կայք
vep gayk'

ապացույց
abats'uyts'

բանտ
pand

օրենք
ōrenk'

tiền phạt

nhân chứng

tòa án

chữ ký

thua lỗ

lợi nhuận

khách hàng

số tiền

thẻ tín dụng

mật khẩu

máy rút tiền

bể bơi

điện

máy ảnh

đài radio

quà tặng

cái chai

cái túi

chìa khóa

búp bê

thiên thần

դատարան
tadaran

վկա
vga

տուգանք
dukank'

շահույթ
shahuyt'

կորուստ
gorusd

ստորագրություն
sдорakrut'yun

կրեդիտ քարտ
gretid k'ard

գումար
kumar

հաճախորդ
hajakhort

լոգավազան
loghavazan

բանկոմատ
pangomad

գաղտնաբառ
kaghdnapar

ռադիո
ratio

ֆոտոխցիկ
fodokhts'ig

էներգիա
ēnerkia

պայուսակ
bayusag

շիշ
shish

նվեր
nver

հրեշտակ
hreshdag

տիկնիկ
dignig

բանալի
panali

lược

kem đánh răng

bàn chải đánh răng

dầu gội

kem thoa

khăn giấy

son môi

truyền hình

rạp chiếu phim

tin tức

ghế
rạp chiếu phim

vé

màn chiếu

âm nhạc

sân khấu

khán giả

hội họa

trò đùa

bài báo

báo chí

tạp chí

ատամի խոզանակ
adami khozanag

ատամի մածուկ
adami madzug

սանր
sanr

անձեռոցիկ
antserots'ig

կրեմ
grem

շամպուն
shambun

կինո
gino

հեռուստացույց
herusdats'uyts'

շրթներկ
shrt'nerg

տոմս
doms

նստատեղ
nsdadegh

նորոթյուններ
norut'yunner

բեմ
pem

երաժշտություն
erazhshdut'yun

էկրան
ēgran

կատակ
gadag

գեղանկարչություն
keghangarch'ut'yun

հանդիսատես
hantisades

ամսագիր
amsakir

թերթ
t'ert'

հոդված
hotvadz

quảng cáo

thiên nhiên

tro

lửa

kim cương

mặt trăng

Trái Đất

mặt trời

ngôi sao

hành tinh

vũ trụ

bờ biển
biển

hồ

rừng

sa mạc

đồi núi

đá
danh từ

con sông

thung lũng

núi

đảo

մոխիր
mokhir

քնություն
pnut'yun

գովազդ
kovazt

լուսին
lusin

ադամանդ
atamant

կրակ
grag

աստղ
asdgh

արեգակ
arekag

Երկիր
Ergir

ափ
ap'

տիեզերք
diezerk'

մոլորակ
molorag

անապատ
anabad

անտառ
andar

լիճ
lij

գետ
ked

ժայռ
zhayr

բլուր
plur

կղզի
gghzi

սար
sar

հովիտ
hovid

đại dương

biển

thời tiết

băng

tuyết

bão táp

mưa

gió

thực vật

cây

cỏ

hoa hồng

hoa

chất khí

kim loại

vàng

bạc

Bạc rẻ hơn vàng

Vàng đắt hơn bạc

ngày lễ

thành viên
người

եղանակ
eghanag

ծով
dzov

օվկիանոս
ōvgianos

փոթորիկ
p'ot'orig

ծյուն
tsyun

սառույց
saruyts'

բույս
puys

քամի
k'ami

անձրև
antsrev

վարդ
vart

խոտ
khod

ծառ
dzar

մետաղ
medagh

գազ
kaz

ծաղիկ
dzaghig

Արծաթն ավելի էժան է,
քան ոսկին:
Ardzat'n aveli ēzhan ē, k'an osgin:

արծաթ
ardzat'

ոսկի
osgi

անդամ
antam

տոն
don

Ոսկին ավելի
թանկարժեք է, քան
արծաթը:
Osgin aveli t'angarzhek' ē, k'an
ardzat'ē:

khách sạn

bờ biển
cát

khách

sinh nhật

Giáng sinh

Năm Mới

Lễ Phục sinh

chú

cô

bà nội

ông nội

bà ngoại

ông ngoại

tử vong

phần mộ

ly hôn

cô dâu

chú rể

101

105

110

հյուր
hyur

լողափ
loghap^ʿ

հյուրանոց
hyuranots^ʿ

Նոր Տարի
Nor Dari

Ամանոր
Amanor

ծննդան օր
dznntyan ōr

մորաքույր
morak'uyr

հորեղբայր
horeghpayr

Չատիկ
Zadig

տատիկ
dadig

պապիկ
babig

տատիկ
dadig

գերեզման
kerezman

մահ
mah

պապիկ
babig

փեսա
p'esa

հարս
hars

ամուսնալուծություն
amusnaludzut'yun

հարյուր տասը
haryur dasē

հարյուր հինգ
haryur hink

հարյուր մեկ
haryur meg

151

200

202

206

220

262

300

303

307

330

373

400

404

408

440

484

500

505

509

550

595

երկու հարյուր երկու
ergu haryur ergu

երկու հարյուր
ergu haryur

հարյուր հիսունմեկ
haryur hisunmeg

երկու հարյուր
վաթսուներկու
ergu haryur vat'sunergu

երկու հարյուր քսան
ergu haryur k'san

երկու հարյուր վեց
ergu haryur vets'

երեք հարյուր յոթ
erek' haryur yot'

երեք հարյուր երեք
erek' haryur erek'

երեք հարյուր
erek' haryur

չորս հարյուր
ch'ors haryur

երեք հարյուր յոթանասուներեք
erek' haryur yot'anasunerek'

երեք հարյուր երեսուն
erek' haryur eresun

չորս հարյուր քառասուն
ch'ors haryur k'arasun

չորս հարյուր ութ
ch'ors haryur ut'

չորս հարյուր չորս
ch'ors haryur ch'ors

հինգ հարյուր հինգ
hink haryur hink

հինգ հարյուր
hink haryur

չորս հարյուր
ութսունչորս
ch'ors haryur ut'sunch'ors

հինգ հարյուր
իննսունհինգ
hink haryur innsunhink

հինգ հարյուր հիսուն
hink haryur hisun

հինգ հարյուր ինը
hink haryur inē

600

601

606

616

660

700

702

707

727

770

800

803

808

838

880

900

904

909

949

990

con hổ

վեց հարյուր վեց
vets' haryur vets'

վեց հարյուր մեկ
vets' haryur meg

վեց հարյուր
vets' haryur

յոթ հարյուր
yot' haryur

վեց հարյուր վաթսուն
vets' haryur vat'sun

վեց հարյուր տասնվեց
vets' haryur dasnvets'

յոթ հարյուր քսանյոթ
yot' haryur k'sanyot'

յոթ հարյուր յոթ
yot' haryur yot'

յոթ հարյուր երկու
yot' haryur ergu

ութ հարյուր երեք
ut' haryur erek'

ութ հարյուր
ut' haryur

յոթ հարյուր յոթանասուն
yot' haryur yot'anasun

ութ հարյուր ութսուն
ut' haryur ut'sun

ութ հարյուր երեսունութ
ut' haryur eresunut'

ութ հարյուր ութ
ut' haryur ut'

ինը հարյուր ինը
ině haryur ině

ինը հարյուր չորս
ině haryur ch'ors

ինը հարյուր
ině haryur

վագր
vakr

ինը հարյուր իննսուն
ině haryur innsun

ինը հարյուր
քառասունինը
ině haryur k'arasuninė

con chuột

con chuột cống

con thỏ

con sư tử

con lừa

con voi

con chim

con gà trống choai

con chim bồ câu

con ngựa

côn trùng

con bọ

con muỗi

con ruồi

con kiến

con cá voi

con cá mập

con cá heo

con ốc sên

con ếch

thường xuyên

Նապաստակ
nabasdag

առնետ
ar̥ned

մուկ
mug

փիղ
p'igh

ավանակ
avanag

առյուծ
ar̥yudz

աղավնի
aghavni

աքլոր
ak'lor

թռչուն
t'rch'un

փայտոջիլ
p'aydochil

միջատ
michad

սագ
sak

մրջյուն
mrchyun

ճանճ
janj

մոծակ
modzag

դելֆին
telfin

շնածուկ
shnatsug

կետ
ged

հաճախ
hajakh

գորտ
kord

խխունջ
khkhunch

ngay lập tức

đột ngột

mặc dù

thể dục dụng cụ

quần vợt

chạy
đanh từ

đạp xe

đánh golf

trượt băng

bóng đá

bóng rổ

bơi lội

lặn

đi bộ đường dài

Vương quốc Anh

Tây Ban Nha

Thụy sĩ

Ý

Pháp

Đức

Thái Lan

թել
t'eev

հանկարծակի
hangardzagi

անմիջապես
anmichabes

վազք
vazk'

թենիս
t'enis

մարմնամարզություն
marmnamarzut'yun

չմշկասահք
ch'mshgasahk'

գոլֆ
kolf

հեծանվավազք
hedzanvavazk'

լոդ
logh

բասկետբոլ
pasgedpol

ֆուտբոլ
fudpol

Միացյալ Թագավորություն
Miats'yal T'akavorut'yun

քայլարշավ
k'aylarshav

դայվինգ
tayvink

Իտալիա
Idalia

Շվեյցարիա
Shveyts'aria

Իսպանիա
Isbania

Թաիլանդ
T'ailant

Գերմանիա
Kermania

Ֆրանսիա
Fransia

Singapore

Nga

Nhật Bản

Israel

Ấn Độ

Trung Quốc

Hoa Kỳ

Mexico

Canada

Chile

Brazil

Argentina

Nam Phi

Nigeria

Ma Rốc

Libya

Kenya

Algeria

Ai Cập

New Zealand

Úc

Ճապոնիա
Jabonia

Ռուսաստան
Rusasdan

Սինգապուր
Sinkabur

Չինաստան
Ch'inasdan

Հնդկաստան
Hntgasdan

Իսրայել
Israyel

Կանադա
Ganata

Մեքսիկա
Mek'siga

Ամերիկայի Միացյալ
Նահանգներ
Amerigayi Miats'yal Nahankner

Արգենտինա
Arkendina

Բրազիլիա
Prazilia

Չիլի
Ch'ili

Մարոկկո
Maroggo

Նիգերիա
Nikeria

Հարավային Աֆրիկա
Haravayin Afriga

Ալժիր
Alzhir

Քենիա
K'enia

Լիբիա
Lipia

Ավստրալիա
Avsdralia

Նոր Չելանդիա
Nor Zelantia

Եգիպտոս
Ekibdos

Châu Phi

Châu Âu

Châu Á

Châu Mỹ

mười lăm phút

nửa tiếng

bốn mươi lăm phút

1:00

2:05

3:10

4:15

5:20

6:25

7:30

8:35

9:40

10:45

11:50

12:55

một giờ sáng

hai giờ chiều

Ասիա
Asia

Եվրոպա
Evropa

Աֆրիկա
Afriga

կես ժամ
ges zham

քառորդ ժամ
k'arort zham

Ամերիկա
Ameriga

երկուսն անց հինգ
ergusn ants' hink

ժամը մեկը
zhamě megě

երեք քառորդ ժամ
erek' k'arort zham

հինգ անց քսան
hink ants' k'san

չորս անց տասնհինգ
ch'ors ants' dasnhink

երեքն անց տաս
erek'n ants' das

իննից քսանհինգ
պակաս
innits' k'sanhink bagas

յոթ անց կես
yot' ants' ges

վեց անց քսանհինգ
vets' ants' k'sanhink

տասներկուսից տաս
պակաս
dasnergusits' das bagas

տասնմեկից տասնհինգ
պակաս
dasnmegits' dasnhink bagas

տասից քսան պակաս
dasits' k'san bagas

ցերեկվա ժամը երկուսը
ts'eregva zhamě ergusě

գիշերվա ժամը մեկը
kisherva zhamě megě

մեկից հինգ պակաս
megits' hink bagas

tuần trước

tuần này

tuần sau

năm ngoái

năm nay

năm sau

tháng trước

tháng này

tháng sau

2014-01-01

2003-02-25

1988-04-12

1899-10-13

1907-09-30

2000-12-12

trán

nếp nhăn

cằm

má
cơ thể

râu

lông mi

հաջորդ շաբաթ
hachort shapat'

այս շաբաթ
ays shapat'

անցյալ շաբաթ
ants'yal shapat'

հաջորդ տարի
hachort dari

այս տարի
ays dari

անցյալ տարի
ants'yal dari

հաջորդ ամիս
hachort amis

այս ամիս
ays amis

անցյալ ամիս
ants'yal amis

հազար ինը հարյուր
ութսունութի ապրիլի
տասներկու
hazar inē haryur ut'sunut'i abrili
dasnergu

երկու հազար երեքի
փետրվարի քսանհինգ
ergu hazar erek'i p'edrvari k'sanhink

երկու հազար
տասնչորսի հունվարի
մեկ
ergu hazar dasnch'orsi hunvari meg

երկու հազարի
դեկտեմբերի տասներկու
ergu hazari tegdemperi dasnergu

հազար ինը հարյուր յոթի
սեպտեմբերի երեսուն
hazar inē haryur yot'i sebdemperi
eresun

հազար ութ հարյուր
իննսունինի
հոկտեմբերի տասներեք
hazar ut' haryur innsuninni
hogdemperi dasnerek'

կզակ
gzag

կնճիռ
gnjir

ճակատ
jagad

թարթիչներ
t'art'ich'ner

մորուք
moruk'

այտ
ayd

lông mày

eo

gáy

lồng ngực

ngón cái

ngón tay út

ngón tay đeo nhẫn

ngón tay giữa

ngón tay trỏ

cổ tay

móng tay

gót chân

xương sống

cơ bắp

xương
cơ thể

bộ xương

xương sườn

đốt sống

bàn quang

tĩnh mạch

động mạch

ծոծրակ
dzodzrag

գոտկատեղ
kodgadegh

հոնք
honk'

ճկույթ
jguyt'

բութ մատ
put' mad

կրծքավանդակ
grdzk'avantag

ցուցամատ
ts'uts'amad

միջնամատ
michnamad

մատնեմատ
madnemad

կրունկ
grung

ծեռքի մատի եղունգ
tserk'i madi eghunk

դաստակ
tasdag

ոսկոր
osgor

մկան
mgan

ողնաշար
oghnashar

ող
ogh

կողոսկր
goghosgr

կմախք
gmakhk'

զարկերակ
zagerag

երակ
erag

միզապարկ
mizabarg

âm đạo

tinh trùng

dương vật

tinh hoàn

mộng nước

cay

mặn

sống
tính từ

lược

nhút nhát

tham lam

ngghiêm khắc

điếc

առնանդամ
aṙnantam

սերմնահեղուկ
sermnaheghug

հեշտոց
heshdotsʻ

կծու
gdzu

հյութեղ
hyutʻegh

ամործի
amortsi

խաշած
khashadz

հում
hum

աղի
aghi

խիստ
khisd

ազահ
akah

ամաչկոտ
amachʻgod

խուկ
khul